

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN THỨC ĂN CHĂN NUÔI
PHỤ GIA THỨC ĂN CHĂN NUÔI VEDAFEED DẠNG VIÊN
 (THEO GMP + S9.10)

Mã số: SDS 035-4

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN THỨC ĂN CHĂN NUÔI			0.1. Sản phẩm	Phụ gia thức ăn chăn nuôi Vedafeed dạng viên
			0.2. Tình trạng	Sửa đổi
			0.3. Phiên bản thứ	4
			0.4. Ngày phê duyệt.	30/10/2025
1. Thông tin về Công ty.				
1.1.	Tên công ty chịu trách nhiệm về bảng dữ liệu an toàn thức ăn chăn nuôi.		CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM	
1.2	Thông tin liên lạc	Địa chỉ:	<u>Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.</u>	
		Điện thoại:	(+84)0251-3825111	
		Fax:	(+84)0251-3825138	
		E-mail:	vedanservices@vedaninternational.com	
		Website:	www.vedan.com.vn	
1.3	Phê duyệt bởi	Giám đốc khối ĐBCL & HN		
2. Thông tin về sản phẩm.				
2.1	Tên sản phẩm	Phụ gia thức ăn chăn nuôi Vedafeed dạng viên		
2.2	Tên thương mại của sản phẩm	Condensed Molasses Fermentation Solubles Pellets		
2.3	Mã sản phẩm	N/A		
2.4	Số giấy phép (nếu có)	C810239GMP-02.2020		
2.5	Mô tả sản phẩm	Phụ gia thức ăn chăn nuôi Vedafeed dạng viên là sản phẩm dạng viên được sản xuất bằng công nghệ sau lên men Axit Glutamic từ nguyên liệu chính là mật rỉ và đường glucose.		
2.6	Xuất xứ	Tên và địa chỉ của nhà sản xuất: Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam. Địa chỉ: <u>Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.</u> Nước xuất xứ: Việt Nam		
2.7	Nhà phân phối	Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam. Địa chỉ: <u>Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.</u>		

3. Mô tả sản phẩm.				
3.1	Quy trình sản xuất	<pre> graph TD DM[Dịch lên men] --> CD1[Cô đặc] DM --> GA[GA-CMS] CD1 --> DCPH[Điều chỉnh pH] DCPH --> DT[Dưỡng tinh] DT --> LY[Ly tâm] LY --> DCSL[Dịch cái sau lên men] DCSL --> CD2[Cô đặc] CD2 --> L10[Lọc (Lưới 10mm)] L10 --> AH[Axít hóa] AH --> TH[Thủy giải] TH --> TH[Trung hoà] TH --> L6[Lọc (Lưới 6mm)] L6 --> STH[Sấy tạo hạt] STH --> SPL1[Sàng phân loại lần 1 (3.36~4.76mm)] SPL1 --> LN[Lâm nguội] LN --> SPL2[Sàng phân loại lần 2 (2~4mm)] SPL2 --> NC[Nam châm OPRP(P)] NC --> DG[Đóng gói] DG --> NK[Nhập kho] NK --> XH[Xuất hàng] AH --> H2SO4[Acid H2SO4] TH --> HN[Hơi nóng] TH --> NH3[NH3] STH --> HN2[Hạt nhỏ] STH --> KKN[Không khí nóng] SPL1 --> HT[Hạt thô] DG --> BB[Bao bì] </pre>		
3.2	Nguyên liệu thô và các nguyên liệu phụ được sử dụng trong quá trình sản xuất.	Nguyên liệu chính: GA-CMS (Dịch mật đường lên men cô đặc), NH ₃ , H ₂ SO ₄		
3.3	Quá trình vận chuyển, lưu trữ, đóng gói.	Sản phẩm được lưu trữ trong bao bì kín, vận chuyển ở nhiệt độ thường bằng xe tải, thuyền, tàu ...từ Vedan -> Hồ Chí Minh -> Tung Hai		
3.4	Thời hạn sử dụng	18 tháng kể từ ngày sản xuất		
3.5	Các chỉ tiêu chất lượng.	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức quy định
		Dạng sản phẩm	-	Dạng viên
		Màu sắc	-	Màu nâu đen
		Độ ẩm	%	Max 7
		Protein thô	%	Mìn 60

		(Nx6.25)		
		Cỡ hạt 1.0mm~2.38mm, 2mm~4mm	%	Min 85
		Hàm lượng tro thô	%	Max 30
		Hàm lượng cát sạn không tan trong HCl	%	Max 0.5

4. Các tiêu chuẩn / Yêu cầu.

4.1	Các yêu cầu của pháp luật và các yêu cầu khác có liên quan.	Sản phẩm này phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn GMP+ B2 và các văn bản pháp luật hiện hành liên quan khác có liên quan.		
4.2	Các tiêu chuẩn / yêu cầu của sản phẩm (Hóa học, vật lý, sinh học)	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức quy định
		As	mg/kg	Max 2
		Pb	mg/kg	Max 10
		Hg	mg/kg	Max 0.1
		Cd	mg/kg	Max 1
		Salmonella spp	/25g	Negative
		E. coli	CFU/g	< 10
		Enterobacteriaceae		Negative
		Kháng sinh	µg/kg	Không có
		Ethoxyquin	ppm	Max 150
		Aflatoxin B1	µg/kg	Max 30
		Chất phóng xạ Cs-134	Bq/kg	Max 40
		Chất phóng xạ Cs-137	Bq/kg	Max 40
		Dioxin	ng WHO-PCDD/F-TEQ / kg	Max 0.75
		Dioxin - like PCBs	ng WHO-PCDD/F-	Max 0.35

			TEQ / kg	
		Non – dioxin – like PCBs	µg/kg	Max: 10
		Chất cấm	-	Không có
4.3	Mục đích sử dụng của sản phẩm.	Phối trộn để làm thức ăn chăn nuôi.		
4.4	Hướng dẫn sử dụng sản phẩm. (nêu rõ sản phẩm là thức ăn hoàn chỉnh hay là nguyên liệu để sản xuất thức ăn chăn nuôi).	Sử dụng làm nguyên liệu để phối trộn làm thức ăn chăn nuôi, lượng sử dụng tùy theo công thức phối trộn của nhà sản xuất thức ăn chăn nuôi.		
4.5	Các bước chế biến sản phẩm và hướng dẫn chế biến sản phẩm.	Xem mục 3.		
4.6	Điều kiện lưu trữ và bảo quản.	Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát có mái che.		
4.7	Các yêu cầu về vận chuyển	Sản phẩm được vận chuyển bằng xe tải hoặc theo yêu cầu của khách hàng.		

5. Yêu cầu về ghi nhãn:

Nội dung ghi nhãn phù hợp theo yêu cầu pháp luật của nước nhập khẩu.

6. HACCP

6.1 Mỗi nguy	6.2. Đánh giá mỗi nguy				6.3. Biện pháp kiểm soát
	Nhận diện mỗi nguy (C, (M, F)	Khả năng xảy ra	Mức độ nghiêm trọng	Rủi ro	
Vật lạ	F	Thấp	Thấp	No	- Bảng định kỳ vệ sinh thiết bị, môi trường xưởng gia công sản phẩm phụ SSOP - PN300040. - Quy cách nguyên liệu – PN300005. - Kế hoạch HACCP Xưởng gia công sản phẩm phụ – PN300038.
Vi sinh vật (Salmonella, E.coli, Enterobacteriaceae)	M	Thấp	Cao	No	- Quy cách nguyên liệu – PN300005. - Kế hoạch HACCP Xưởng gia công sản phẩm phụ – PN300038.

Hóa học (Pb, As, Cd, Hg, Aflatoxin B1, Kháng sinh, Ethoxyquin, Chất phóng xạ Cs-134, Chất phóng xạ Cs-137)	C	Thấp	Cao	No	- Quy cách nguyên liệu – PN300005. - Kế hoạch HACCP Xưởng gia công sản phẩm phụ – PN300038.
--	---	------	-----	----	--

7. Giám sát

7.1. Chỉ tiêu	7.2. Thời điểm / Điểm lấy mẫu	7.3. Tần suất
Dạng sản phẩm	Thành phẩm cuối	Mỗi lô
Màu sắc	Thành phẩm cuối	Mỗi lô
Độ ẩm	Thành phẩm cuối	Một lần/ tuần
Protein thô (Nx6.25)	Thành phẩm cuối	Mỗi lô
Cỡ hạt 1.0mm~2.38mm, 2mm~4mm	Thành phẩm cuối	Mỗi lô
Hàm lượng tro thô	Thành phẩm cuối	6 tháng / lần
Hàm lượng cát sạn không tan trong HCl	Thành phẩm cuối	1 lần/ năm
As	Thành phẩm cuối	1 lần/ năm
Pb	Thành phẩm cuối	1 lần/ năm
Hg	Thành phẩm cuối	1 lần/ năm
Cd	Thành phẩm cuối	1 lần/ năm
Salmonella spp	Thành phẩm cuối	1 lần/ năm
E. coli	Thành phẩm cuối	1 lần/ năm
Enterobacteriaceae	Thành phẩm cuối	1 lần/ năm
Aflatoxin B1	Thành phẩm cuối	1 lần/ năm
Kháng sinh	Thành phẩm cuối	1 lần/ năm
Ethoxyquin	Thành phẩm cuối	1 lần/ năm
Chất phóng xạ Cs - 134	Thành phẩm cuối	1 lần/ năm
Chất phóng xạ Cs-137	Thành phẩm cuối	1 lần/ năm
Dioxin	Thành phẩm cuối	1 lần/ năm
Dioxin - like PCBs	Thành phẩm cuối	1 lần/ năm
Non – dioxin – like PCBs	Thành phẩm cuối	1 lần/ năm
Chất cấm	Thành phẩm cuối	1 lần/ năm

8. Thông tin liên lạc trong trường hợp phát sinh sản phẩm không phù hợp:

Trong trường hợp lô hàng không tương ứng với bảng dữ liệu an toàn thức ăn chăn nuôi hoặc nghi ngờ gây hại đến sức khỏe của vật nuôi hoặc thức ăn chăn nuôi không an toàn thì khách hàng phải chủ động báo cáo ngay cho Công ty chúng tôi.

9. Ghi chú:

10. Chữ ký

.....

DD / MM / YY

Công ty được chứng nhận GMP+
(Bên mua)